

Ngày 30/09/2025	62,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.1%	-2.0%	-7.2%

Q3/25		
ROE	46.3%	+/- YoY ▲ 2.2%

Q3/25		
DT thuần	312	QoQ ▲ 20.0% YoY ▲ 46.0%
	tỷ VNĐ	▲ 6.7% ▲ 17.1%

9T 2025		
DT thuần	870	YoY ▲ 127 ▲ 17.1%
	tỷ VNĐ	

Q3/25		
LN gộp	251	QoQ ▲ 18.0% YoY ▲ 38.0%
	tỷ VNĐ	▲ 7.7% ▲ 17.8%

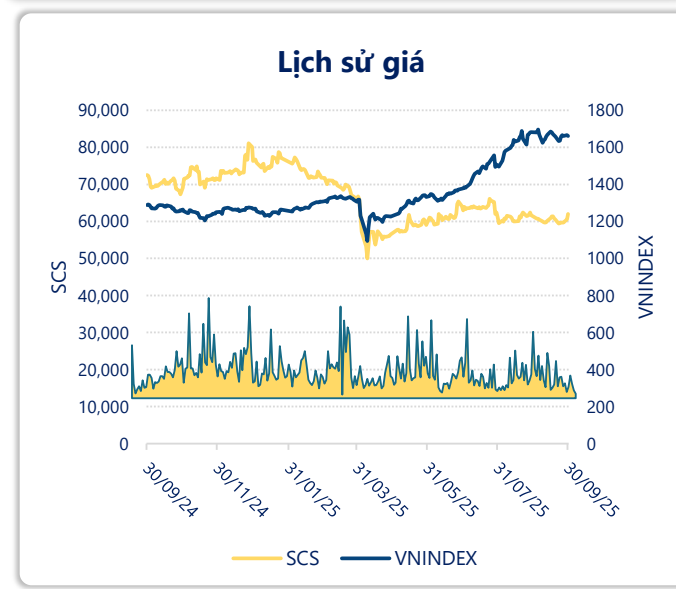
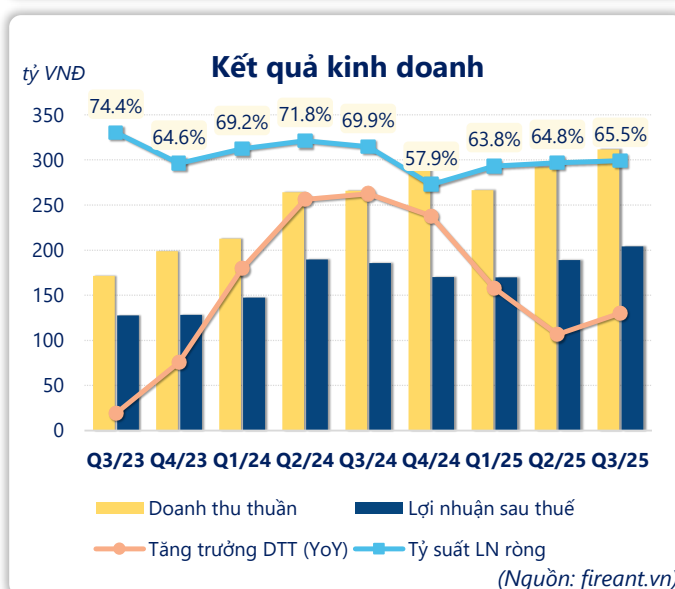
9T 2025		
LN gộp	700	YoY ▲ 106 ▲ 17.9%
	tỷ VNĐ	

Q3/25		
LN thuần	254	QoQ ▲ 18.0% YoY ▲ 44.0%
	tỷ VNĐ	▲ 7.6% ▲ 21.0%

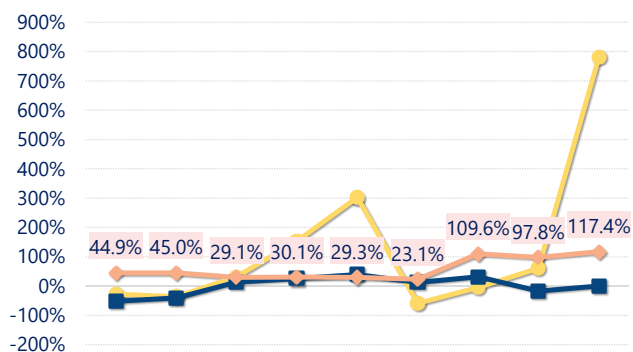
9T 2025		
LN thuần	705	YoY ▲ 113 ▲ 19.0%
	tỷ VNĐ	

Q3/25		
LN sau thuế	204	QoQ ▲ 15.0% YoY ▲ 18.0%
	tỷ VNĐ	▲ 7.9% ▲ 9.7%

9T 2025		
LN sau thuế	563	YoY ▲ 40.0 ▲ 7.7%
	tỷ VNĐ	



Tăng trưởng lợi nhuận

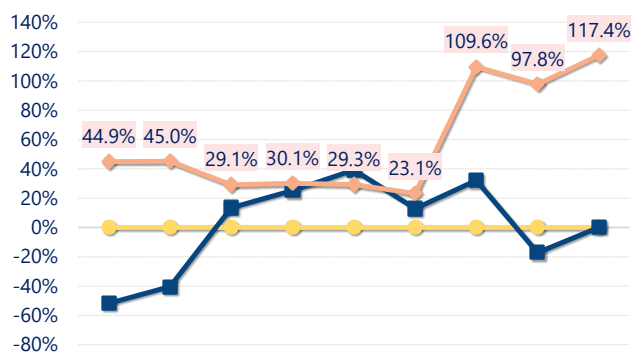


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY)
 — Tăng trưởng EBIT (YoY)
 — Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

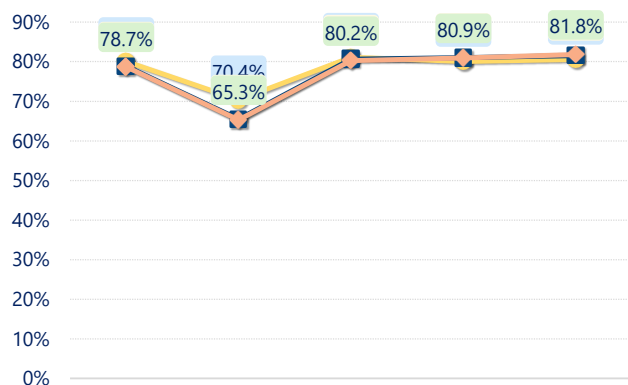


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY)
 — Tăng trưởng EBIT (YoY)
 — Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

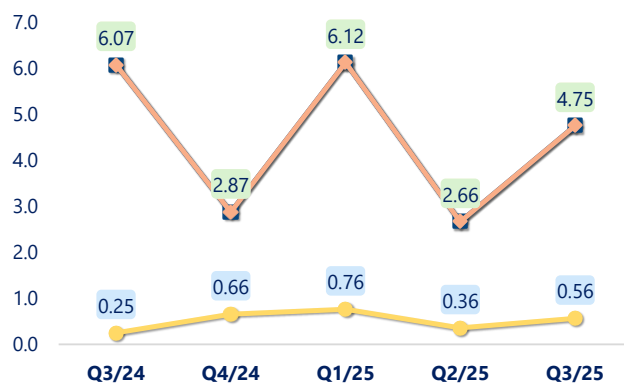


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tỷ suất LN gộp
 — Tỷ suất LN thuần
 — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

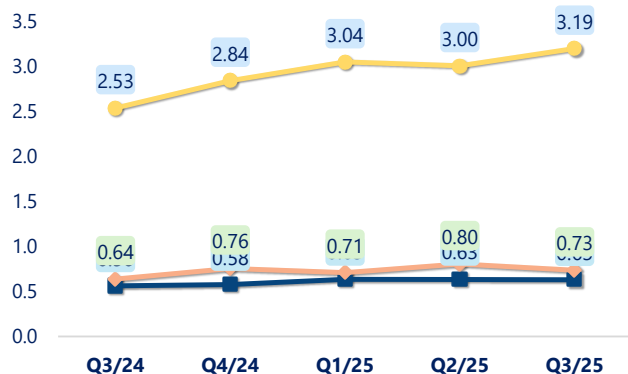


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt
 — Tỷ số thanh toán nhanh
 — Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

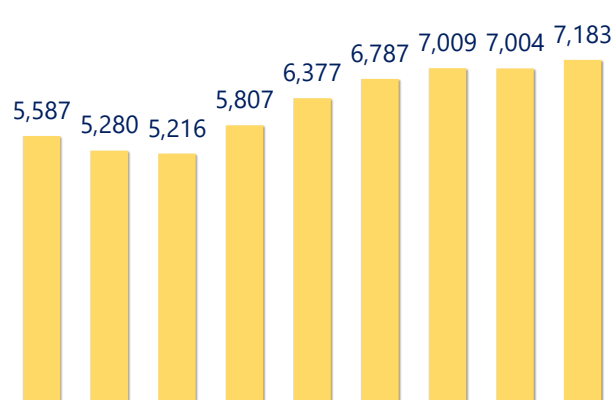


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Vòng quay TSCĐ
 — Vòng quay Tổng TS
 — Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	312	266	17.1%	870	743	17.1%
Giá vốn hàng bán	60.6	53.1	14.1%	169	149	13.6%
Lợi nhuận gộp	251	213	17.8%	700	594	17.9%
Doanh thu HĐTC	18.4	12.2	50.6%	50.1	41.3	21.4%
Chi phí TC	0	0.00		0.00	0.08	-100.0%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	15.3	15.3	-0.1%	45.3	42.6	6.3%
LN thuần từ HĐKD	254	210	21.0%	705	592	19.0%
Lợi nhuận khác	0.85	-0.51	266%	-0.57	-1.81	68.5%
LN trước thuế	255	209	22.0%	705	591	19.3%
Lợi nhuận sau thuế	204	186	9.7%	563	523	7.7%
LNST của CĐ cty mẹ	204	186	9.7%	563	523	7.7%

(Nguồn: fireant.vn)

